

Bản án số: **160/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 01-4-2026

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

*“Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Minh Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Bốn

Bà Dương Thị Ninh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Hứa Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số 24/2026/TLST-HNGĐ, ngày 28/01/2026 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình “Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/02/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn 1 M, xã Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. *Bị đơn:* Anh Ngô Văn L, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn 1 M, xã Y, tỉnh Tuyên Quang.

(*Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai, nguyên đơn chị Đinh Thị H trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Ngô Văn L sau một thời gian tự do tìm hiểu thì đã tiến tới hôn nhân. Anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện H1(nay là xã Y), tỉnh Tuyên Quang vào ngày 25/01/2013, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại nhà riêng ở thôn 1 M, xã Y. Cuộc sống vợ chồng chung sống hòa thuận, bình thường đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ

chồng khoảng cách tuổi tác quá xa nhau nên tính cách khác biệt dẫn đến bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mâu thuẫn của anh chị được gia đình đôi bên, thôn xóm hoà giải nhưng không thành. Tại buổi làm việc ở thôn, anh L đã đồng ý ly hôn nhưng khi Toà án báo xuống để giải quyết thì anh L không đi, có thái độ không hợp tác. Anh chị ly thân nhau từ cuối năm 2025. Chị sinh sống tại tổ 12 T, phường M, tỉnh Tuyên Quang; còn anh L sinh sống tại thôn 1 M, xã Y, tỉnh Tuyên Quang, không ai quan tâm gì đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn trở nên trầm trọng kéo dài, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung, tên là Ngô Anh P, sinh ngày 03/4/2016 và Ngô Thanh T, sinh ngày 30/4/2019. Cháu P đang ở với anh L còn cháu T đang ở với chị. Ly hôn chị nhận nuôi cháu T, cháu P để anh L tiếp tục nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, vay nợ chung*: Anh chị không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* *Theo Biên bản lấy lời khai, Biên bản làm việc, bị đơn anh Ngô Văn L trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đinh Thị H sau một thời gian quen biết tìm hiểu đã quyết định đi đến hôn nhân. Anh chị kết hôn với nhau vào năm 2013 tại UBND xã Y, huyện H1 (nay là xã Y), tỉnh Tuyên Quang. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương, chị H chuyển về chung sống cùng gia đình anh tại thôn 1 M, xã Y. Trước đó chị H đã từng có 1 đời chồng nhưng đã ly hôn. Vì thương hoàn cảnh của chị nên anh chị đã nên duyên vợ chồng. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Nguyên nhân chủ yếu là do chị H đi ngoại tình nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Anh đã khuyên bảo chị H quay về nhưng chị H không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng của anh chị cũng đã được gia đình 2 bên và chính quyền thôn xóm hoà giải nhưng không thành. Nay chị H kiên quyết làm đơn ly hôn anh, quan điểm của anh là nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 2 con chung tên là Ngô Anh P, sinh ngày 03/4/2016 và Ngô Thanh T, sinh ngày 30/4/2019. Cháu P đang ở với anh còn cháu T đang ở với chị H. Ly hôn anh nhận nuôi cháu P, cháu T để chị H tiếp tục nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, vay nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn anh L, không ký biên bản, từ chối nhận văn bản tố tụng của Toà án, không đến Toà án để làm việc. Toà án tiến hành xác minh, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Toà án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương với ông Dương Thành Ph – tổ trưởng tổ an ninh trật tự thôn 1 M, xã Y, tỉnh Tuyên Quang, kết quả thể hiện: Chị Đinh Thị H, sinh năm 1984 và anh Ngô Văn L, sinh năm 1966 là

công dân có nơi thường trú tại thôn 1 M, xã Y, tỉnh Tuyên Quang. Chị H và anh L là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện H1 (nay là xã Y), tỉnh Tuyên Quang vào năm 2013. Sau khi được gia đình 2 bên cưới hỏi theo phong tục địa phương, chị H chuyển từ nhà bố mẹ đẻ ở huyện Chiêm Hoá cũ về nhà anh L chung sống. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc cùng nhau mở cửa hàng xây sát ở địa phương. Thời gian gần đây thì vợ chồng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H có người khác nên dẫn đến vợ chồng lục đục. Mâu thuẫn vợ chồng của anh chị cũng được gia đình hoà giải nhưng không thành. Anh chị cũng đã mời chính quyền thôn đến hoà giải nhưng chị H vẫn kiên quyết ly hôn. Tại buổi hoà giải do thôn tiến hành thì chị H và anh L đã thống nhất được các vấn đề, cùng nhau thuận tình ly hôn, con cái thoả thuận mỗi người nuôi 1 cháu, tài sản chung anh chị cũng tự thoả thuận. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh L, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, anh chị có 02 con chung, tên là Ngô Anh P, sinh ngày 03/4/2016 và Ngô Thanh T, sinh ngày 30/4/2019. Hiện cháu P đang ở cùng anh L ở thôn 1 M, xã Y; còn cháu T đi theo H từ khi anh chị ly thân. Về tài sản chung: anh chị có 1 số tài sản chung nhưng đã tự thoả thuận trước khi ly hôn. Về vay nợ chung, anh chị không có nợ chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh L mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị H:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị H được ly hôn với anh Ngô Văn L.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Ngô Anh P, sinh ngày 03/4/2016 cho anh L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Giao con chung là cháu Ngô Thanh T, sinh ngày 30/4/2019 cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản chung; Về vay nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:*

Chị Đinh Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Ngô Văn L do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là Tranh chấp hôn nhân và gia đình “*Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh L có nơi thường trú và sinh sống tại thôn 1 M, xã Y, tỉnh Tuyên Quang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân.

#### *[2] Về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự:*

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh L không ký biên bản, từ chối nhận văn bản tố tụng của Toà án, không đến Toà án để làm việc. Toà án tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, vay nợ chung của các đương sự cũng như tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Việc anh L không đến Toà án để làm việc thể hiện ý thức không tuân thủ pháp luật, không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Toà án đã xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

#### *[3] Về nội dung vụ án:*

\* Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh L kết hôn với nhau từ năm 2013. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn 1 M, xã Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu đến cuối năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H đi ngoại tình với người khác nên đã dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, không còn yêu thương nhau nữa. Vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay đã được gần nửa năm, không ai quan tâm gì đến ai. Trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, vì vậy tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, ai cũng có cuộc sống của riêng mình. Chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh L để giải phóng cho cả hai người đi tìm cuộc sống mới. Anh L đồng ý ly hôn nhưng từ chối ký biên bản lấy lời khai cũng như từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị sống ly thân nhau, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, không còn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian vợ chồng ly thân, anh chị cũng không có động thái gì hàn gắn quay về chung sống, đoàn tụ. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị H được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

\* Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung tên là Ngô Anh P, sinh ngày 03/4/2016 và Ngô Thanh T, sinh ngày 30/4/2019. Hiện tại cháu P đang ở với anh L ở thôn 1 Minh Phú, xã Y; còn cháu T đang ở với chị H ở tổ 12 T, phường M. Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh L đều có ý kiến muốn để cháu P cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, cháu T cho chị H nuôi dưỡng, hai bên không cấp dưỡng. Tại biên bản lấy lời khai con chung, cháu P thể hiện nguyện vọng muốn được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Hiện cháu P đang học lớp 4A trường Tiểu học M. Để đảm bảo điều kiện nuôi con, tránh sự xáo trộn, sự phù hợp về phát triển tâm sinh lý của con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu P cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu T cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

\* Về tài sản chung, vay nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:*

Nguyên đơn chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn anh L không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị H được ly hôn với anh Ngô Văn L.

*Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2013 do Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H1, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã Y, tỉnh Tuyên Quang) cấp ngày 25/01/2013 cho chị Đinh Thị H và anh Ngô Văn L không còn giá trị pháp lý sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.*

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Ngô Anh P, sinh ngày 03/4/2016 cho anh Ngô Văn L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Giao con chung là cháu Ngô Thanh T, sinh ngày 30/4/2019 cho chị Đinh Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Đinh Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000211 ngày 28/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, chị H đã nộp đủ án phí. Bị đơn anh Ngô Văn L không phải chịu tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND khu vực 2 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- L hồ sơ vụ án, Tòa án.

**Hoàng Thị Minh Ngọc**

